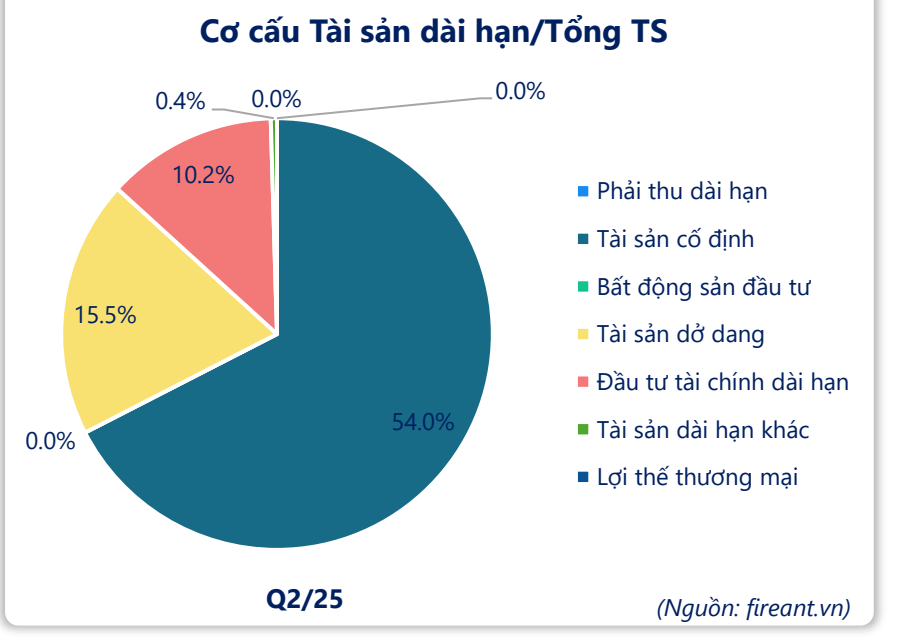
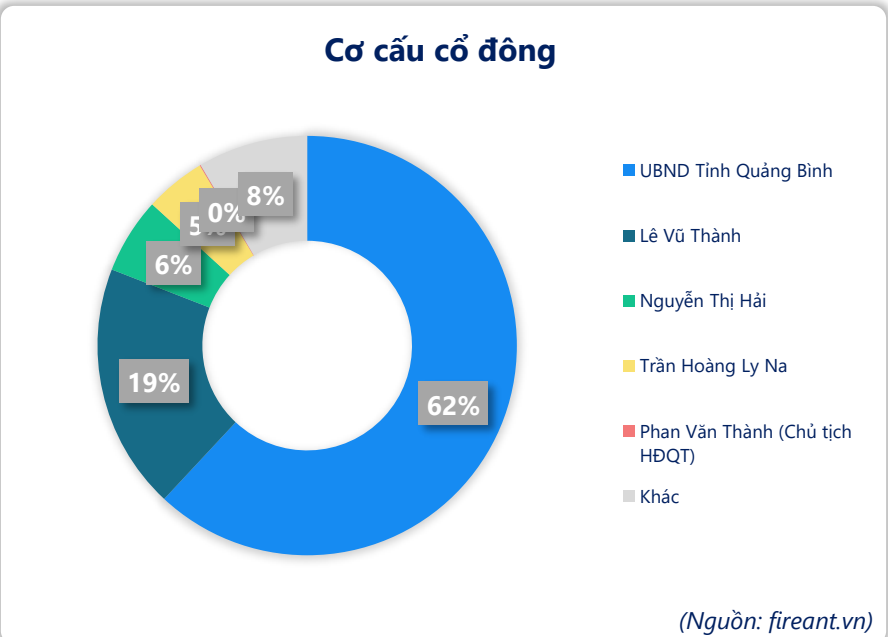
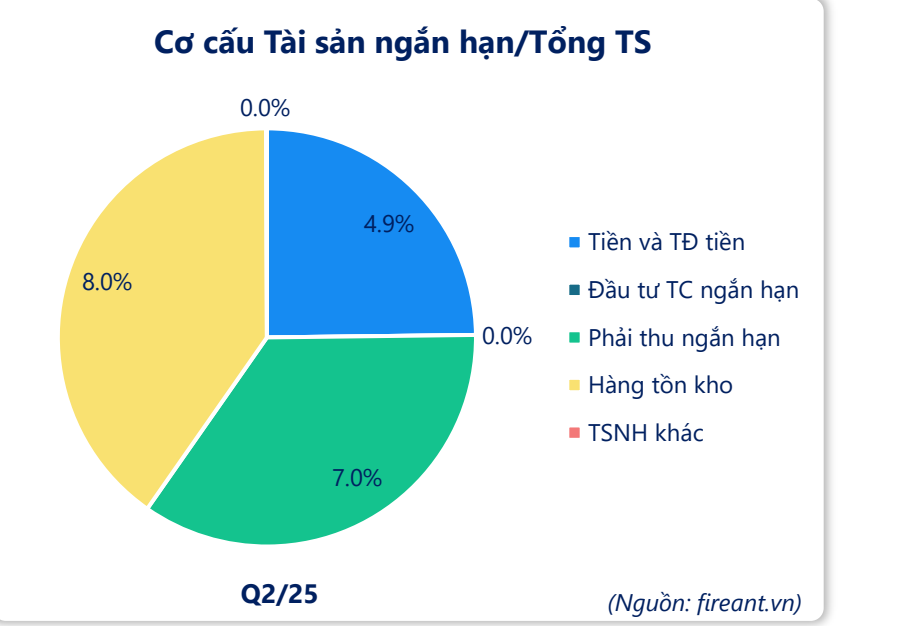
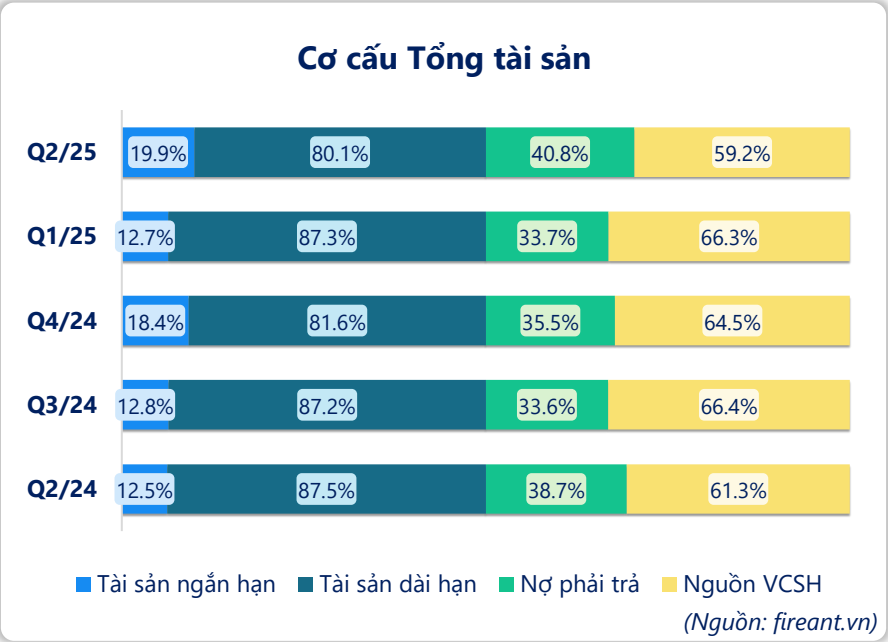
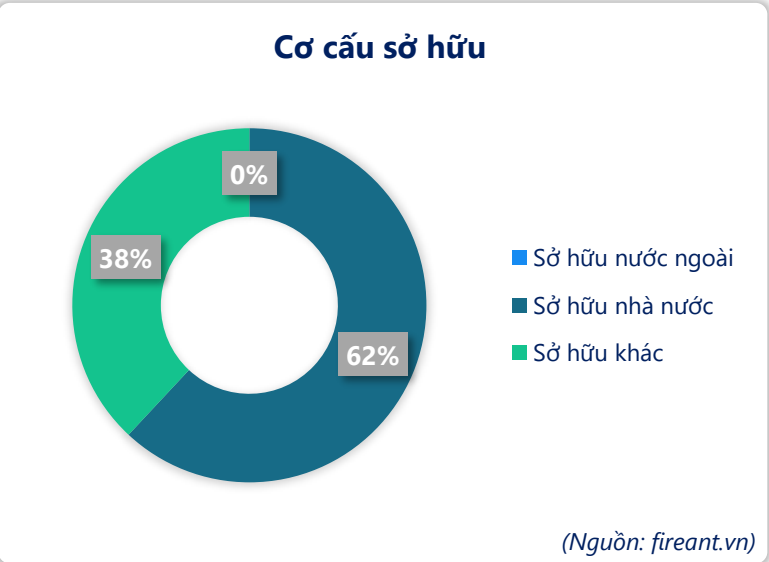
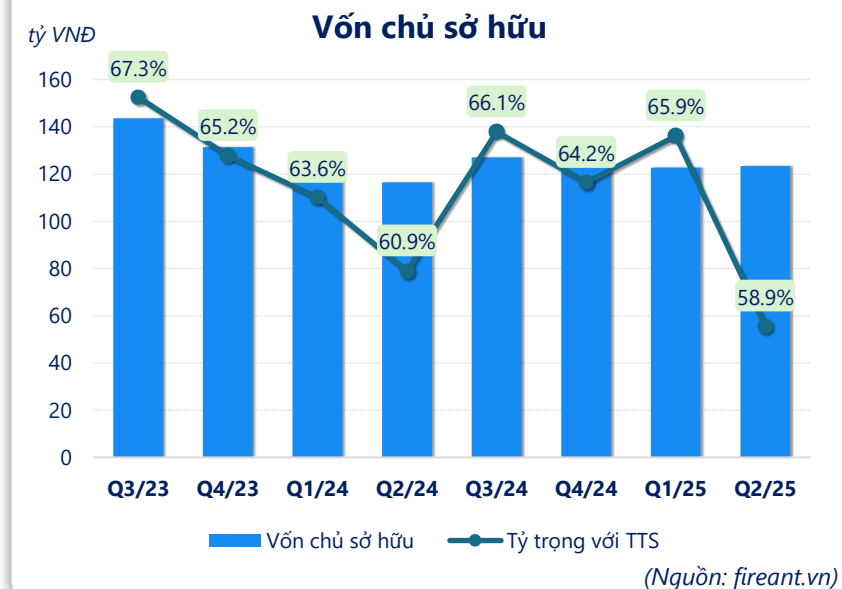
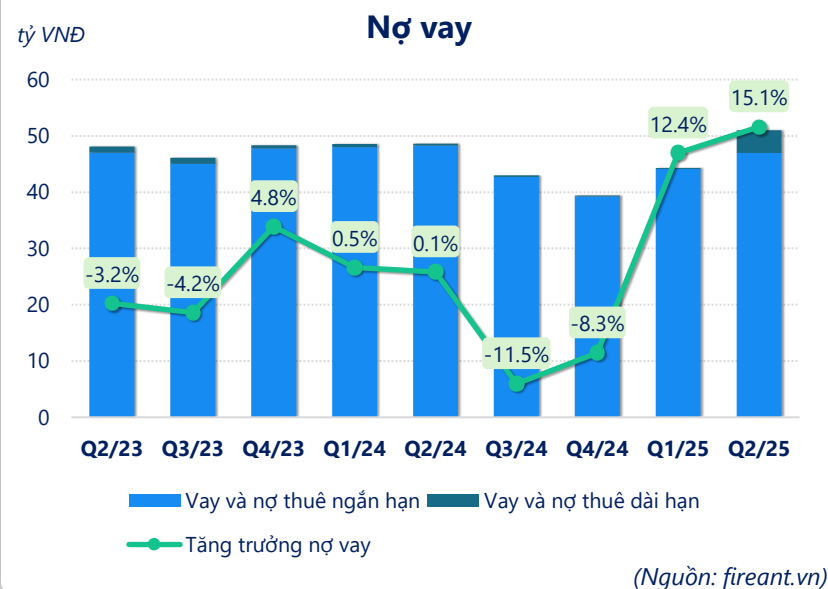
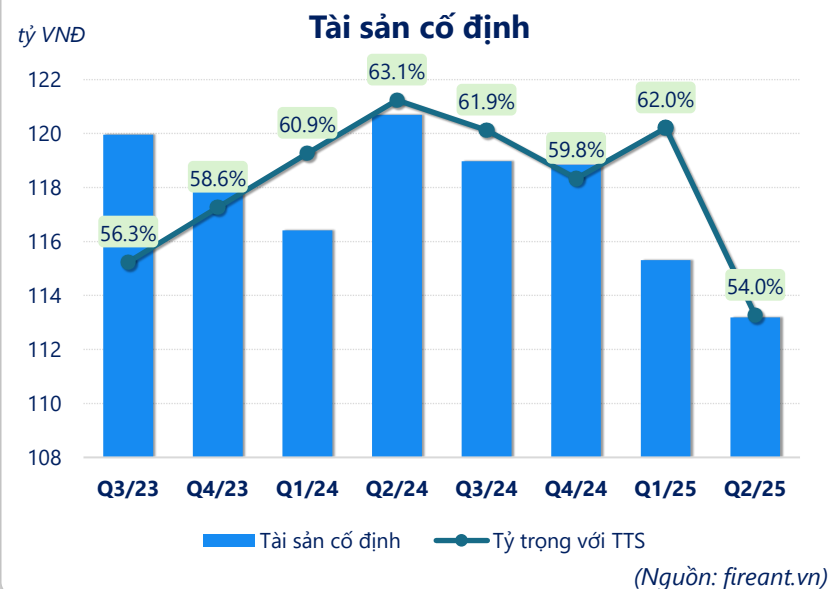
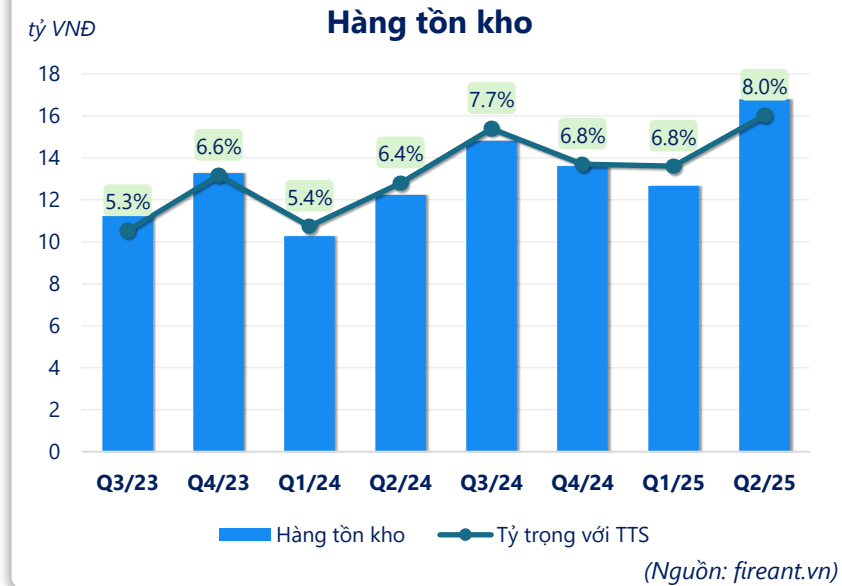
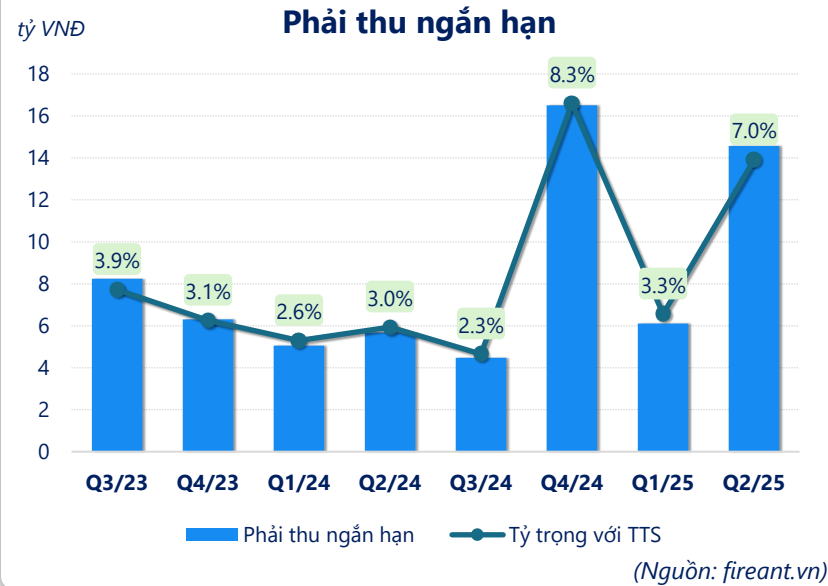
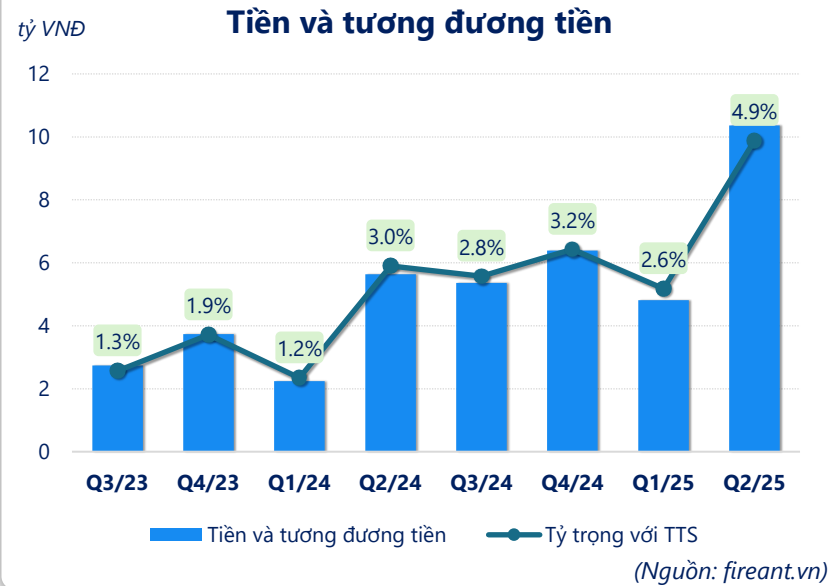
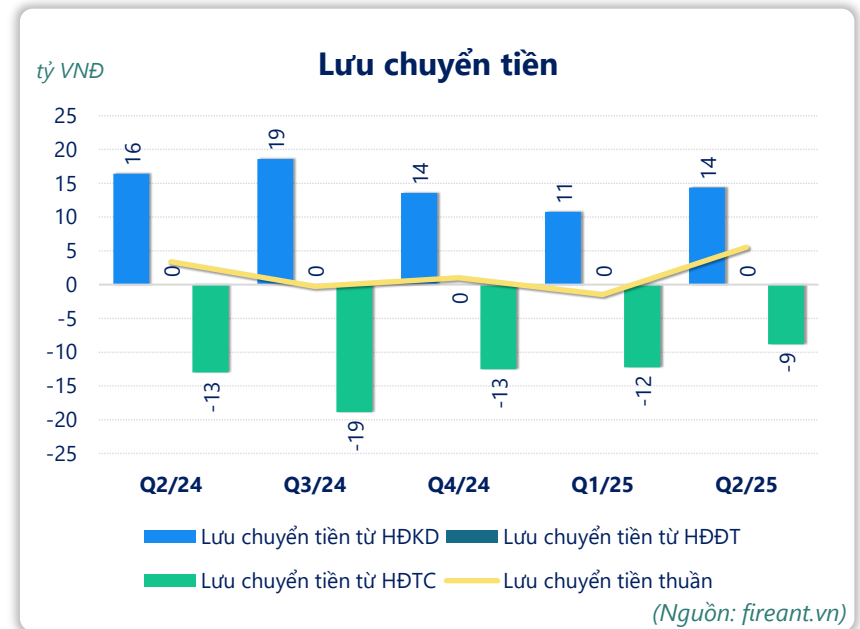
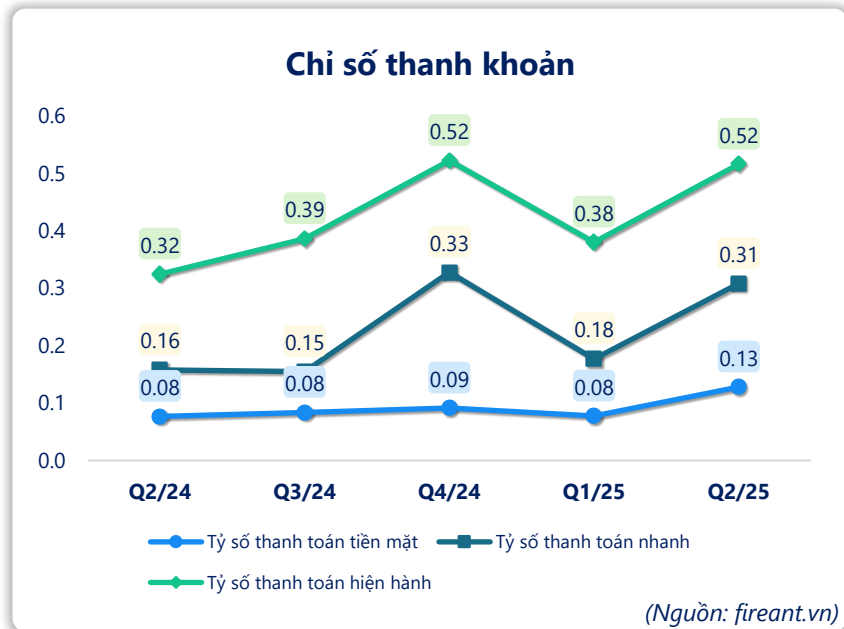
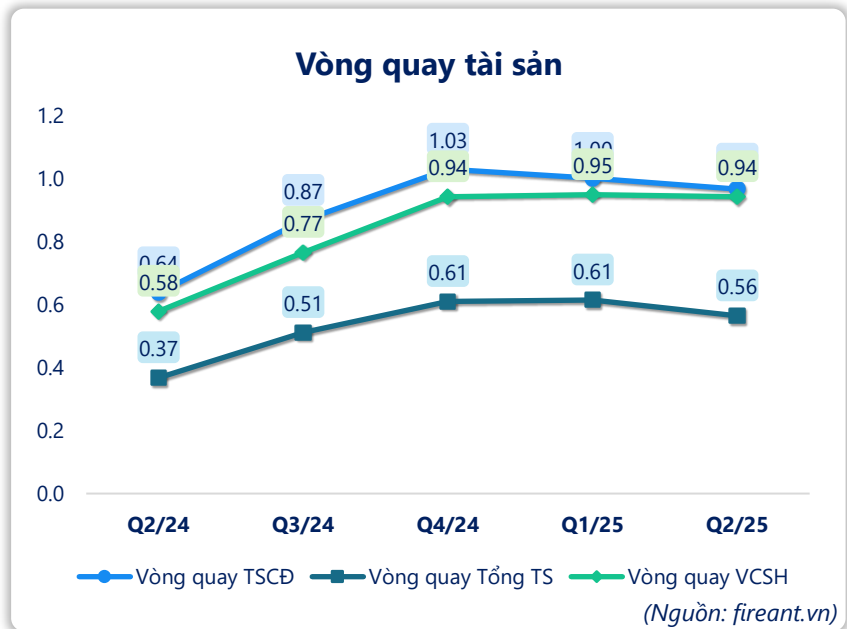
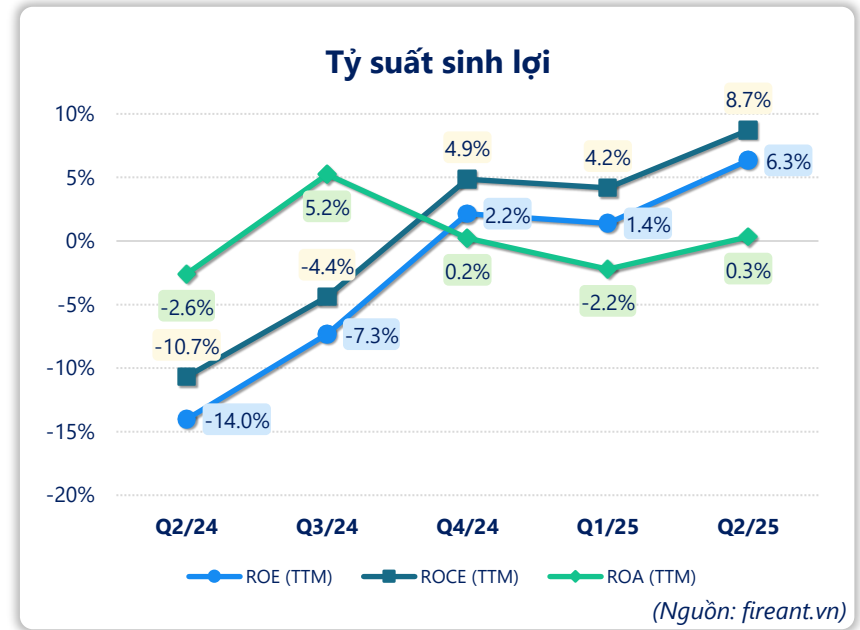
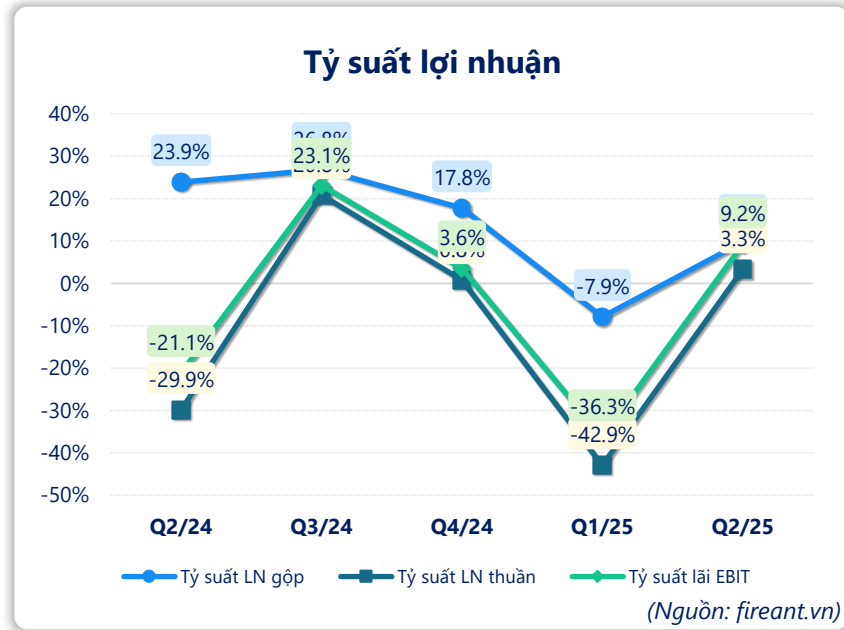
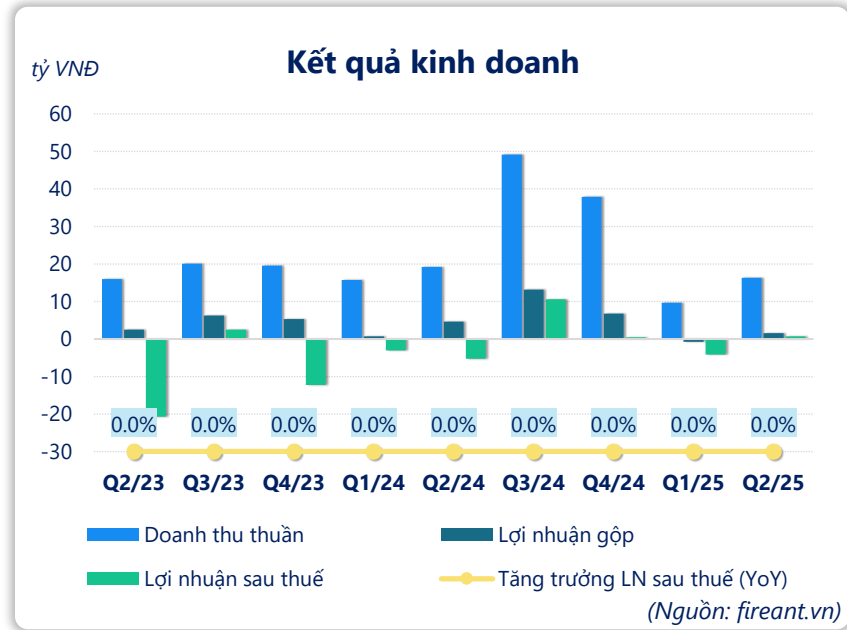


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		38,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,800
SL cổ phiếu LH		17,081,791
KLGD BQ 20 phiên (CP)		580
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		154
P/E		20.2
EPS		445

	YTD	1T	3T	6T
VTQ	-72.4%	-6.3%	-72.4%	-72.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	210	198	5.9%
Tài sản ngắn hạn	41.7	35.4	18.0%
Tiền và tương đương tiền	10.4	6.29	64.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	14.6	15.4	-5.5%
Hàng tồn kho	16.8	13.6	23.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.05	-50.3%
Tài sản dài hạn	168	163	3.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	113	117	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	32.4	25.3	27.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	21.5	19.0	12.9%
Tài sản dài hạn khác	0.77	0.81	-4.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	85.5	70.4	21.4%
Nợ ngắn hạn	81.0	69.9	15.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	46.9	39.2	19.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.4	14.6	18.9%
Nợ dài hạn	4.54	0.49	835%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.05	0.19	1988%
Nguồn vốn chủ sở hữu	124	128	-2.7%
Vốn chủ sở hữu	123	127	-2.7%
Vốn điều lệ	171	171	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.68	0.68	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	19.2	49.2	37.9	9.67	16.3
Giá vốn hàng bán	14.6	36.0	31.2	10.4	14.7
Lợi nhuận gộp	4.60	13.2	6.74	-0.76	1.60
Doanh thu HĐTC	0.03	0.00	0.04	0.00	0.03
Chi phí TC	8.13	0.74	3.02	0.65	-1.45
Chi phí lãi vay	1.18	0.74	0.89	0.65	0.83
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.02	0.02	0.13	0.01	0
Chi phí QLDN	2.22	2.20	3.34	2.74	2.54
LN thuần từ HĐKD	-5.74	10.2	0.30	-4.15	0.54
Lợi nhuận khác	0.50	0.38	0.18	0.00	0.13
LN trước thuế	-5.24	10.6	0.47	-4.16	0.67
Lợi nhuận sau thuế	-5.24	10.6	0.47	-4.16	0.67
LNST của CĐ cty mẹ	-5.24	10.6	0.47	-4.16	0.67

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.4	18.6	13.6	10.8	14.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0.00	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.0	-18.9	-12.5	-12.2	-8.84
Tiền đầu kỳ	2.24	5.64	5.36	6.29	4.82
Lưu chuyển tiền thuần	3.40	-0.28	1.02	-1.47	5.54
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.64	5.36	6.38	4.82	10.4

(Nguồn: fireant.vn)